TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS -ST
Ngày: 23 - 4 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Bà Trần Ngọc Điệp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST - DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1938; địa chỉ: ấp Năm Chiến, xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1967; địa chỉ: ấp Năm Chiến, xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn Bà Trần Thị N trình bày:

Vào năm 2022 Bà Nguyễn Thị Nh có hỏi mượn bà số tiền là 40.000.000 đồng, do là chỗ quen biết nên không có làm giấy tờ gì. Khi mượn bà Nhhứa 01 tháng sau sẽ trả nhưng đến nay bà Nhkhông trả tiền cho bà. Bà có làm đơn thưa và tại các buổi hòa giải ở ấp, xã bà Nhđều thừa nhận nợ và cam kết hứa trả dần nhưng bà vẫn không thực hiện. Nay xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm nên bà yêu cầu bà Nhgiao trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày hòa giải tại ấp ngày 26/3/2023 đến khi vụ kiện được giải quyết xong.

Tại phiên tòa bà Nxin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn Bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà xác định bà có nợ Bà Trần Thị N số tiền là 40.000.000 đồng nhưng đây là tiền nợ hụi vì bà mượn chân hụi của bà Nhốt để cấn trừ nợ do trước đó bà có nợ tiền hụi của bà Nchứ không phải tiền bà vay. Nay bà cũng đồng ý trả số tiền trên cho bà Nhiện nay bà không có khả năng để trả nên bà không thể hứa khi nào sẽ trả và trả bao nhiêu cho bà Ne.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Nguyễn Thị Nh trả số tiền vay gốc còn nợ là 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày từ ngày 26/3/2023 đến khi vụ kiện được giải quyết xong. Bà Nhcũng thừa nhận nợ và đồng ý trả nhưng cho rằng là nợ hụi, bà Ncũng thống nhất là nợ hụi nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân góp họ (hụi)" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bà Nhlà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện, bà Nyêu cầu bà Nhgiao trả số tiền vay gốc còn nợ là 40.000.000 đồng và yêu yêu cầu tính lãi từ ngày 26/3/2023 đến khi vụ kiện được giải quyết xong. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Ncũng thống nhất số nợ trên là nợ hụi như bà Nhtrình bày và bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là bà không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ne, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như căn cứ vào ý kiến trình bày của phía bị đơn bà Nhthừa nhận có nợ bà Nsố tiền gốc là 40.000.000 đồng, nên có đủ cơ sở để buộc bà Nhgiao trả cho bà Nsố tiền gốc còn nợ 40.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, giữa bà Nvà bà Nhkhông thỏa thuận được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng quyết định khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với yêu cầu tính lãi, bà Nxin rút lại nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà N

Kể từ ngày bà Ncó đơn yêu cầu thi hành án, bà Nhchậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Nhcòn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành

tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án:

Yêu cầu của bà Nđược chấp nhận nên bà Nhphải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Bà Nlà người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 4 Điều 11; Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị N đối với Bà Nguyễn Thị Nh.

Buộc Bà Nguyễn Thị Nh phải giao trả cho Bà Trần Thị N số tiền gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Ncó đơn yêu cầu thi hành án, bà Nhchậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Nhcòn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của Bà Trần Thị N.

2. Án phí:

Bà Trần Thị N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí.

Bà Nguyễn Thị Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/4/2024.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm